

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP CỔNG THANH TOÁN ONEPAY

Sep/2023

Ver 2.4

OnePay

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG	3
II. MÔ HÌNH KẾT NỐI VÀ ĐẶC TẢ DỮ LIỆU	3
1. Các bước thanh toán	3
2. Luồng kết nối và xử lý giao dịch	4
3. Đặc tả dữ liệu truyền và nhận	4
3.1. Dữ liệu thanh toán	4
3.2. Dữ liệu nhận kết quả thanh toán	6
4. Trạng thái giao dịch.....	7
5. Truy vấn trạng thái giao dịch (QueryDR API).....	8
6. IPN (Instant Payment Notification).....	10
7. Tích hợp trên Mobile App (iOS và Android)	10
8. Cách thức tạo và kiểm tra hash (vpc_SecureHash)	11
III. THÔNG TIN TEST THỬ NGHIỆM VÀ THAM CHIẾU	12
1. Thông tin môi trường test và thẻ test.....	12
2. Bảng mã lỗi Response code (vpc_TxnResponseCode).....	12
3. Các thuật ngữ viết tắt trong tài liệu	14
4. Danh sách mã/BIN ngân hàng nội địa.....	14
5. Yêu cầu về hiển thị logo thẻ và xác nhận điều khoản thanh toán.....	16

I. GIỚI THIỆU CHUNG

- Tài liệu hướng dẫn tích hợp cổng thanh toán OnePAY, dành cho cán bộ kỹ thuật của Đơn vị chấp nhận thanh toán (ĐVCNTT).
- Tài liệu cung cấp đặc tả, phương thức tích hợp, các hàm API cơ bản giữa website/app đơn vị và website cổng thanh toán OnePAY.

II. MÔ HÌNH KẾT NỐI VÀ ĐẶC TẢ DỮ LIỆU

1. Các bước thanh toán



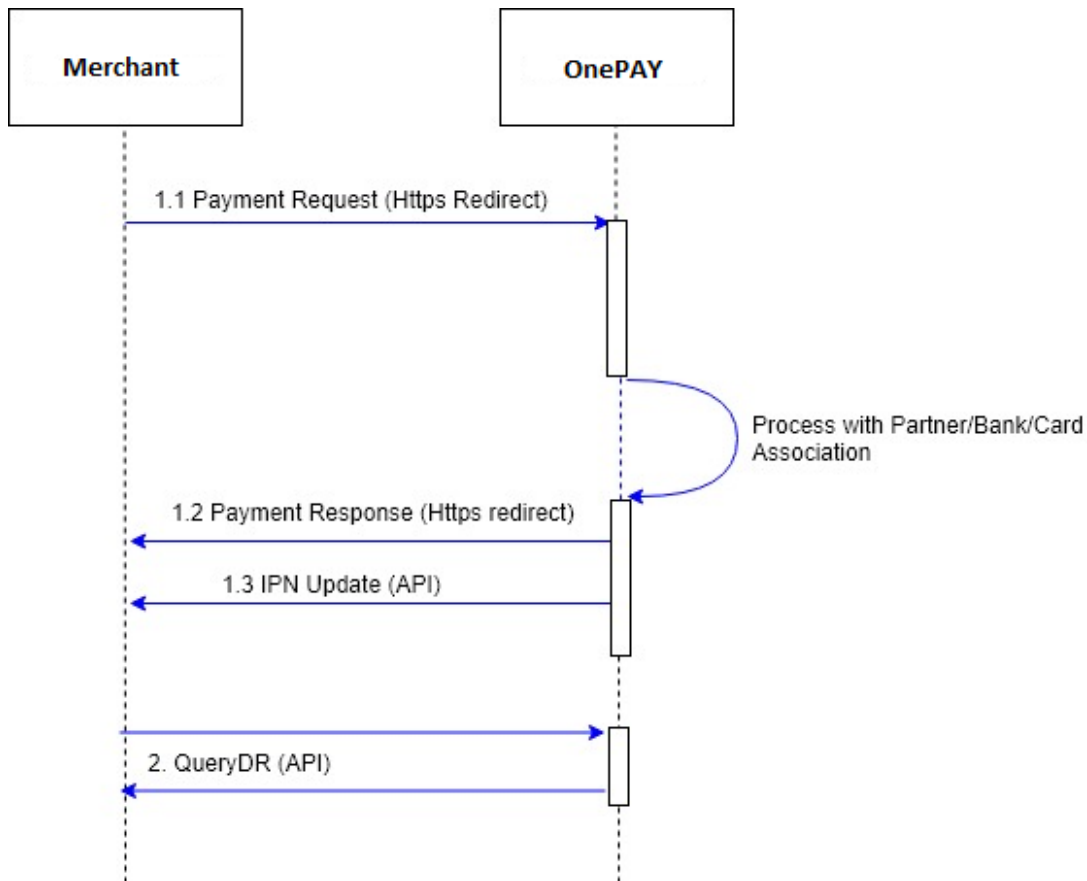
Bước 1: Khách hàng chọn sản phẩm và tiến hành thanh toán trên website ĐVCNTT.

Bước 2,3: Chuyển hướng sang OnePAY để nhập thông tin thẻ và xác thực bảo mật OTP trên trang của ngân hàng phát hành thẻ.

Bước 4: Thanh toán hoàn tất quay trở lại website ĐVCNTT để hiển thị trạng thái và xác nhận đơn hàng.

Chú ý: Trên app ĐVCNTT sử dụng **webview** trong app để hiển thị trang thanh toán thay vì redirect như trên website.

2. Luồng kết nối và xử lý giao dịch



- 1.1: **Gửi yêu cầu thanh toán (Payment request):** ĐVCNTT gửi yêu cầu thanh toán sang OnePAY theo giao thức Https Redirect GET.
- 1.2: **Nhận kết quả thanh toán (Payment Response):** OnePAY xử lý và trả kết quả thanh toán về website ĐVCNTT qua Https Redirect GET.
- 1.3: ĐVCNTT có thể nhận kết quả thanh toán qua backend (**IPN – Payment Notification**) song song với nhận kết quả trên return URL (https redirect).
- 2: ĐVCNTT còn có thể sử dụng hàm kiểm tra tình trạng giao dịch (**QueryDR**) để chủ động lấy trạng thái giao dịch.

3. Đặc tả dữ liệu truyền và nhận

3.1. Dữ liệu thanh toán

- URL (test): <https://mtf.onepay.vn/paygate/vpcpay.op>
- URL (PROD): <https://onepay.vn/paygate/vpcpay.op>
- Phương thức: https redirect - GET
- Cấu trúc URL:
[https://mtf.onepay.vn/paygate/vpcpay.op?\[key=value\]&\[Key=value\]&...](https://mtf.onepay.vn/paygate/vpcpay.op?[key=value]&[Key=value]&...)

Key	Value			
	Yêu cầu	Kiểu giá trị	Độ dài	Mô tả
Các tham số tĩnh: Tài khoản OnePAY, thông số cổng thanh toán				
vpc_Version	M	Number	2	Version module cổng thanh toán, mặc định là "2"
vpc_Currency	M	String	3	Loại tiền thanh toán, mặc định là VND
vpc_Command	M	String	16	Chức năng thanh toán, giá trị của đối số này mặc định là "pay"
vpc_AccessCode	M	String	8	Cặp giá trị của mỗi đơn vị do OnePAY cấp
vpc_Merchant		String	12	
vpc_Locale	M	String	2	Ngôn ngữ hiển thị khi thanh toán. Tiếng Việt: vn, tiếng Anh: en
vpc_ReturnURL	M	String	128	URL Website ĐVCNTT để nhận kết quả trả về. Giá trị cần encode URL.
Các tham số website gán giá trị động: Price, Order ID...				
vpc_MerchTxnRef	M	String	40	Mã giao dịch, biến số này yêu cầu là duy nhất mỗi lần gửi sang OnePAY
vpc_OrderInfo	M	String	34	Thông tin đơn hàng, thường là mã đơn hàng hoặc mô tả ngắn gọn về đơn hàng
vpc_Amount	M	String	12	Khoản tiền thanh toán, không có dấu ngăn cách thập phân. thêm "00" trước khi chuyển sang cổng thanh toán. Nếu số tiền giao dịch là VND 25,000 thì số tiền gửi qua là: 2500000
vpc_TicketNo	M	String	15	Địa chỉ IP khách hàng thực hiện thanh toán – Không được đặt cố định 1 IP
vpc_CardList	O	String	256	Hình thức thanh toán và Loại thẻ hiển thị trên cổng thanh toán: - Null, Chấp nhận tất cả các phương thức thanh toán - Truyền một hoặc nhiều giá trị để chấp nhận hình thức thanh toán, cách bởi dấu phẩy "," + INTERNATIONAL : Thẻ thanh toán thẻ quốc tế + DOMESTIC : Thẻ ATM + QR : Thanh toán Ứng dụng di động ngân hàng và Ví điện tử + BNPL : Mua trước trả sau (Buy Now Pay Later) - Mã bank để hiển thị bước nhập thông tin thẻ ngân hàng Vd: Đến trang nhập thẻ VCB thì vpc_CardList = 970436 Bảng mã bank thẻ ATM xem ở mục III.4
AgainLink	M	String	64	Link trang thanh toán của website trước khi chuyển sang OnePAY
Title	M	String	64	Tiêu đề cổng thanh toán hiển thị trên trình duyệt của chủ thẻ.

vpc_Customer_Phone	O	String	16	Số điện thoại khách hàng
vpc_Customer_Email	O	String	24	Email của khách hàng
vpc_Customer_Id	O	String	64	Thông tin User ID
user_Xxxxxx	O	String	64	Tham số do đơn vị tự định nghĩa, bắt đầu với "user_", ví dụ: user_Abc123, user_Bcd234,... (alphanumeric). Max length of field name: 20 Max length of field value: 64
Tham số chuỗi mã hóa, được mã hóa từ các tham số.				
vpc_SecureHash	M	String	64	Chuỗi chữ ký đảm bảo toàn vẹn dữ liệu. Tham khảo code sample và mục II.8

Ghi chú:

- M: Mandatory (Bắt buộc)
- O: Optional (Không bắt buộc)
- Giá trị các tham số với font chữ tiếng Việt có dấu và ký tự đặc biệt không được chấp nhận (= | & ?)

3.2. Dữ liệu nhận kết quả thanh toán

- Cấu trúc trả về trên Return URL:
[vpc_ReturnURL]?[key=value]&[Key=value]&... (các key và value được mô tả trong bảng dưới đây)
- Cấu trúc trả về trên IPN URL tương tự Return URL:
[your_IPN_URL]?[key=value]&[Key=value]&...

Key	Value		
	Kiểu giá trị	Độ dài	Mô tả
Các tham số giao của giao dịch			
vpc_Command	String	3	Giá trị của vpc_Command đã gửi sang cổng thanh toán
vpc_Locale	String	2-5	Ngôn ngữ hiển thị khi thanh toán. en-Tiếng Anh, vn-Tiếng Việt
vpc_CurrencyCode	String	3	Loại tiền thực hiện thanh toán, mặc định là VND
vpc_MerchTxnRef	String	1-40	Mã giao dịch gửi sang cổng
vpc_Merchant	String	1-12	Merchant ID gửi sang cổng
vpc_OrderInfo	String	1-34	Mã đơn hàng gửi sang cổng
vpc_Amount	String	1-12	Số tiền gửi sang cổng (đã nhân 100)
vpc_TxnResponseCode	String	3	Mã giao dịch được sinh ra bởi cổng thanh toán để chỉ trạng thái giao dịch.

			Giá trị là "0" (zero) cho biết giao dịch đã được xử lý thành công. Tất cả các giá trị khác cho biết giao dịch đã bị từ chối. Tham khảo bảng Response Code mục III.3
vpc_TransactionNo	String	1-32	Là một chuỗi duy nhất được sinh ra từ cổng thanh toán cho mỗi giao dịch.
vpc_Message	String	1-200	Mô tả lỗi giao dịch khi thanh toán
vpc_Card	String	6	Loại thẻ đã thanh toán + Quốc tế: VC, MC, JC, AE, CUP + Nội địa: 6 số đầu định danh thẻ, xem danh sách ở mục III.4 + Ứng dụng thanh toán
vpc_PayChannel	String	12	Kênh thanh toán: + WEB: Thanh toán qua website + APP: thanh toán qua ứng dụng Mobile Banking hoặc Ví
vpc_CardUid	String	32	Mã duy nhất cho mỗi thẻ, ví dụ: ABE4864268F53BD5D531D8845FAAF5F1 Không trả về cho các ngân hàng sau TCB, VIB and DongABank.
vpc_CardHolderName	String	64	Tên chủ thẻ (chỉ trả về nếu là giao dịch trả góp)
vpc_ItaBank	String	12	Ngân hàng thanh toán trả góp (chỉ trả về nếu là giao dịch trả góp)
vpc_ItaFeeAmount	String	12	Phí trả góp (chỉ trả về nếu là giao dịch trả góp)
vpc_ItaTime	String	2	Kỳ hạn trả góp (3, 6, 9, 12) (chỉ trả về nếu là giao dịch trả góp)
vpc_OrderAmount	String	12	Số tiền gốc khi chưa có phí trả góp (chỉ trả về nếu là giao dịch trả góp)
vpc_ItaMobile	String	12	Số điện thoại (chỉ trả về nếu là giao dịch trả góp)
vpc_ItaEmail	String	32	Email (chỉ trả về nếu là giao dịch trả góp)
user_Xxxxxx	String	64	Tham số trả về mà đơn vị tự định nghĩa ở payment request
vpc_SecureHash	String	64	Chữ ký để kiểm tra tính toàn vẹn của dữ liệu trả về, tham khảo code sample và mục II.8

Chú ý:

- Số lượng tham số trả về có thể nhiều hơn bảng trên tùy thuộc trạng thái và loại thẻ thanh toán. ĐVCNT không được cố định tham số trả về tránh việc tính sai Hash.

4. Trạng thái giao dịch

Một giao dịch chỉ được xác nhận là **thành công** phải thỏa mãn đủ 2 điều kiện:

- Mã trạng thái giao dịch trả về **vpc_TxnResponseCode = "0"**
- Kiểm tra toàn vẹn dữ liệu (check **hash**), xem qui tắc check hash ở **mục II.8**

Ngoài ra cần kiểm tra giá trị amount thanh toán nếu cần.

Trường hợp tham số trả về **vpc_TxnResponseCode** khác "0": Giao dịch **không thành công**, tham chiếu bảng mã mục **III.3** để hiển thị kết quả giao dịch cụ thể cho khách hàng.

Trường hợp **check hash sai**: thực hiện truy vấn lại giao dịch hoặc kiểm tra lại trạng thái trên OnePAY.

Trường hợp không nhận được kết quả thanh toán trả về (qua Return URL và IPN URL), sau 30 phút cần query lại trạng thái, nếu không có kết quả hoặc query trả fail thì giao dịch không thành công.

5. Truy vấn trạng thái giao dịch (QueryDR API)

5.1 Mục đích

- Để ĐVCNTT chủ động kiểm tra trạng thái một giao dịch
- Chiều từ ĐVCNTT gọi sang OnePAY

5.2 Cách thức sử dụng queryDR

- Vì thời gian tối đa cho phép một giao dịch là 15 phút (thẻ quốc tế) và 30 phút (thẻ ATM nội địa) nên cần query sau 15 - 30 phút để có kết quả cuối cùng của giao dịch.
- Giao dịch có thể kết thúc sớm hơn thời gian tối đa nên ĐVCNTT có thể query sớm hơn, có thể là 5 phút sau khi giao dịch phát sinh tuy nhiên nếu kết quả vẫn là chưa thanh toán thì cần query lại cho đến khi đủ 15-30 phút thì dừng query.

5.3 Triển khai

- ĐVCNTT có thể sử dụng query thủ công hoặc query tự động theo thời gian giao dịch hoặc lịch (cron job)

5.4 Request

URL Query hệ thống test: <https://mtf.onepay.vn/msp/api/v1/vpc/invoices/queries>

URL Query hệ thống PROD: <https://onepay.vn/msp/api/v1/vpc/invoices/queries>

Method: POST

Header: application/x-www-form-urlencoded

Key	Value			
	Yêu cầu	Kiểu giá trị	Độ dài	Mô tả
vpc_Command	M	String	16	Mặc định là "queryDR"
vpc_Version	M	String	2	Mặc định là 2
vpc_MerchTxnRef	M	String	40	Mã giao dịch cần truy vấn
vpc_Merchant	M	String	12	Merchant ID OnePAY cấp cùng tài khoản
vpc_AccessCode	M	String	8	Access code OnePAY cấp cùng tài khoản
vpc_User	M	String	32	User OnePAY cấp cùng tài khoản (op01)
vpc_Password	M	String	50	Password OnePAY cấp cùng tài khoản (op123456)
vpc_SecureHash	M	String	64	Chữ ký kiểm tra toàn vẹn dữ liệu, cách tạo xem mục II.8

5.5 Response

Key	Value		
	Kiểu giá trị	Độ dài	Mô tả
vpc_DRExists	String	1	Xác định giao dịch tồn tại hay không ✓ N: Không tồn tại giao dịch ✓ Y: Có tồn tại giao dịch thanh toán
vpc_TxnResponseCode	String	3	Mã trả lời, xác định giao dịch thành công hay không ✓ 0: Giao dịch thanh toán thành công ✓ <> 0: Giao dịch không thanh toán thành công ✓ 300: Giao dịch pending ✓ 100: Giao dịch đang tiến hành hoặc chưa thanh toán
vpc_MerchTxnRef	String	1-40	Giá trị của đối số vpc_MerchTxnRef của giao dịch
vpc_Merchant	String	1-12	Giá trị của đối số vpc_Merchant của giao dịch
vpc_OrderInfo	String	1-34	Giá trị của đối số vpc_OrderInfo của giao dịch
vpc_Amount	String	1-12	Giá trị của đối số vpc_Amount của giao dịch
vpc_TransactionNo	String	1-12	Là một số duy nhất được sinh ra từ cổng thanh toán cho mỗi giao dịch.
vpc_Message	String	1-200	Mô tả lỗi giao dịch khi thanh toán
vpc_Card	String	6	Loại thẻ đã thanh toán + Quốc tế: VC, MC, JC, AE, CUP + Nội địa: 6 số đầu định danh thẻ, xem danh sách ở mục III.4 + Ứng dụng thanh toán
vpc_PayChannel	String	12	Kênh thanh toán: + WEB: Thanh toán qua website

			+ APP: thanh toán qua ứng dụng Mobile Banking hoặc Ví
vpc_SecureHash	String	64	Chữ ký kiểm tra toàn vẹn dữ liệu

Chú ý: Số lượng tham số trả về có thể thay đổi trong danh sách tùy thuộc trạng thái và loại thẻ thanh toán.

6. IPN (Instant Payment Notification)

6.1 Mục đích

- Dùng để cập nhật kết quả thanh toán qua backend (server-to-server), thời gian và tham số tương tự như kết quả trả về trên trình duyệt (return URL), xem mục kết quả trả về **II.3.2**
- Chiều gọi IPN: từ OnePAY đến ĐVCNTT

6.2 Cách triển khai IPN

- ĐVCNTT xây dựng một URL IPN để nhận kết quả thanh toán
- Giao thức: GET qua URL (server-to-server)

6.3 Tham số khi OnePAY gọi IPN Update:

- Giống với tham số trên Return URL, các dưới dạng Key=Value&Key=Value&...

6.4 Tham số trả về cho OnePAY sau khi nhận IPN:

- Sau khi nhận được kết quả IPN, ĐVCNTT cần in chuỗi xác nhận theo chuẩn dưới trong body của URL IPN để OnePAY biết ĐVCNTT đã nhận được IPN
- Trả về chuỗi: **responsecode=1&desc=confirm-success**
- Chú ý đây là chuỗi xác nhận của ĐVCNTT đã nhận được IPN, không phải xác nhận trạng thái giao dịch.

7. Tích hợp trên Mobile App (iOS và Android)

Đơn vị sử dụng **webview** trong app để hiển thị trang thanh toán (giao diện OnePAY đã hỗ trợ mobile).

Các bước tích hợp trên App Mobile:

1. Khách hàng click "Thanh toán" thì app client sẽ tạo URL thanh toán (hoặc gọi xuống merchant server để tạo URL thanh toán)
2. App client mở URL thanh toán đã tạo trong webview để Khách hàng thực hiện thanh toán, chú ý là webview trong app, không phải mở sang trình duyệt.
3. Thanh toán xong OnePAY trả kết quả thanh toán trên ReturnURL (webview) và IPN (server backend), Đơn vị nhận kết quả thanh toán thực hiện xử lý giao dịch, đóng webview và hiển thị thông báo kết quả thanh toán trên app.

Đơn vị tham khảo code mẫu cho App Mobile (SDK):

- iOS:
- Android:

App demo:

- iOS:
- Android:

8. Cách thức tạo và kiểm tra hash (vpc_SecureHash)

Đây là chuỗi chữ ký để kiểm tra toàn vẹn dữ liệu bước chuyển dữ liệu sang cổng thanh toán và nhận dữ liệu thanh toán từ OnePAY trả về ĐVCNTT.

Chú ý: OnePAY sẽ cung cấp code mẫu cho các ngôn ngữ lập trình.

Qui tắc tạo vpc_SecureHash khi gửi dữ liệu thanh toán:

1. Tạo chuỗi dữ liệu:
 - Lấy tất cả các tham số có tiền tố vpc_ (và user_ nếu có)
 - Sắp xếp key theo thứ tự alphabe
 - Định dạng chuỗi: [key=value]&[Key=value]&...
 - Lấy value gốc, không encode URL
2. Tạo vpc_SecureHash
 - Sử dụng hàm HMAC-SHA256
 - Đầu vào là chuỗi dữ liệu đã tạo ở trên và hash key (hash code hay SECURE_SECRET)
 - Đầu ra là chuỗi hexa dài 64 ký tự

Qui tắc kiểm tra dữ liệu khi nhận kết quả thanh toán:

1. Tạo chuỗi dữ liệu:
 - Lấy tất cả các tham số có tiền tố vpc_ (và user_ nếu có) và không lấy vpc_SecureHash trả về từ OnePAY
 - Sắp xếp key theo thứ tự alphabe
 - Định dạng chuỗi: [key=value]&[Key=value]&...
 - Lấy value gốc, không encode URL
2. Tạo chuỗi hash
 - Sử dụng hàm HMAC-SHA256
 - Đầu vào là chuỗi dữ liệu đã tạo ở trên và hash key (hash code hay SECURE_SECRET)
 - Đầu ra là chuỗi hexa dài 64 ký tự
3. So sánh hash
 - So sánh chuỗi hash vừa tạo với tham số vpc_SecureHash trả về, nếu khớp là dữ liệu toàn vẹn.

III. THÔNG TIN TEST THỬ NGHIỆM VÀ THAM CHIẾU

1. Thông tin môi trường test và thẻ test

- Merchant ID (vpc_Merchant): TESTONEPAY
- Access code (vpc_AccessCode): 6BEB2546
- Hash Key: 6D0870CDE5F24F34F3915FB0045120DB
- Card information

Card Type	Card Holder Name	Card Number	Date (MM/YY)	OTP/CVV
ABB - ATM	NGUYEN VAN A	9704250000000001	01/13	123456
VCB - ATM	NGUYEN VAN A	970436000000000002	01/13	123456
Visa		4000000000001091 4000000000001000	05/2024	123
Master		5123450000000008	05/2024	123

2. Bảng mã lỗi Response code (vpc_TxnResponseCode)

Response Code		Mô tả	
		Tiếng Việt	Tiếng Anh
0	Approved	Giao dịch thành công	Successful Transaction
1	Unspecified Failure	Ngân hàng từ chối cấp phép giao dịch.	Unspecified failure in the authorization process of your Card Issuer.
2	Declined	Ngân hàng phát hành thẻ từ chối cấp phép giao dịch.	Card Issuer declined to authorize the transaction.
3	Timed Out	Không nhận được kết quả phản hồi từ Tổ chức phát hành thẻ.	No response from Card Issuer.
4	Expired Card	Tháng/Năm hết hạn của thẻ không đúng hoặc thẻ đã hết hạn sử dụng.	Invalid Expiration Date or your card is now expired.
5	Insufficient Funds	Số dư/Hạn mức của thẻ không đủ để thanh toán.	Your card credit limit/ account balance was not enough to cover the payment.
6	Error Communicating with Bank	Không nhận được kết quả phản hồi từ Tổ chức phát hành thẻ.	No response from Card Issuer.
7	System Error	Lỗi trong quá trình xử lý giao dịch của Ngân hàng.	System error while processing transaction.

8	Not Supported	Ngân hàng phát hành thẻ không hỗ trợ thanh toán trực tuyến.	Card Issuer does not support online payment.
9	Invalid Card Name	Tên chủ thẻ/tài khoản không hợp lệ.	Card Issuer declined to authorize the transaction.
10	Expired Card	Thẻ hết hạn/Thẻ bị khóa.	Your card is now expired or deactivated.
11	Not Registered	Thẻ/Tài khoản chưa đăng ký dịch vụ hỗ trợ thanh toán trực tuyến.	Your card/account was not activated features supporting for online payment.
12	Invalid Card Date	Tháng/Năm phát hành hoặc hết hạn của thẻ không hợp lệ.	Invalid Issue Date or Expiration Date.
13	Exist Amount	Giao dịch vượt quá hạn mức thanh toán trực tuyến theo quy định của Ngân hàng.	Your transaction was exceeded online payment limit in accordance with your Bank's regulations.
14	Invalid Card number	Số thẻ không hợp lệ.	Invalid card number.
21	Insufficient Fund	Số dư tài khoản không đủ để thanh toán.	Your account balance was not enough to cover the payment.
22	Invalid Account	Thông tin tài khoản không hợp lệ.	Invalid Account Information.
23	Account Lock	Thẻ/Tài khoản bị khóa hoặc chưa được kích hoạt.	Your card/account is now blocked or not activated.
24	Invalid Card Info	Thông tin thẻ/tài khoản không hợp lệ.	Invalid Card/Account Information.
25	Invalid OTP	Mã xác thực OTP không hợp lệ.	Invalid OTP.
26	Expired OTP	Mã xác thực OTP đã hết hiệu lực.	OTP has expired.
98	Authentication cancelled	Xác thực giao dịch bị hủy.	Authentication was cancelled.
99	User Cancel	Người dùng hủy giao dịch.	User cancelled transaction.
B	Transaction Blocked	Lỗi trong quá trình xác thực giao dịch của Ngân hàng phát hành thẻ.	Authentication failed.
D	Awaiting Processing	Lỗi trong quá trình xác thực giao dịch của Ngân hàng phát hành thẻ.	Authentication failed.
F	3D Secure Failure	Xác thực giao dịch không thành công.	Transaction authentication was not successful.

U	Card Security Code Failed	Xác thực mã CSC không thành công.	CSC authentication was not successful.
Z	Cannot process card	Giao dịch bị từ chối.	Your transaction was declined.
253	Expired	Hết thời hạn nhập thông tin thanh toán.	Your session has expired.
	Other	Lỗi không xác định.	Unspecified failure.

Note: Bảng mã trên là các mã thường gặp, thực tế có thể có các mã khác và đều là kết quả không thành công.

3. Các thuật ngữ viết tắt trong tài liệu

STT	Thuật ngữ	Mô tả
1	OnePAY	Cổng thanh toán trực tuyến OnePAY
2	Ngân hàng	Hệ thống quản lý Thẻ/Tài khoản ngân hàng và xử lý giao dịch
3	ĐVCNTT/Merchant	Đơn vị chấp nhận thanh toán, website chấp nhận thanh toán trực tuyến
4	URL	Uniform Resource Locator, Đường dẫn liên kết website
5	OTP	One Time Password: Mật khẩu sử dụng một lần trong khoảng thời gian nhất định do ngân hàng cung cấp để xác nhận giao dịch thanh toán
6	CVV	Card Verification Value: Mã xác nhận, nằm mặt sau của thẻ
7	SSL	Giao thức mã hóa và bảo mật thông tin truyền qua mạng Internet
8	IPN	Instant Payment Notification: Thông báo cho ĐVCNTT giao dịch đã được thực hiện qua OnePAY

4. Danh sách mã/BIN ngân hàng nội địa

#	Tên	BIN	Note
1	Techcombank	970407	Internet Banking
2	Tienphongbank	970423	
3	Vietinbank	970415	
4	VIB	970441	Internet Banking
5	VietA	970427	
6	MSB	970426	
7	EXIM	970431	

8	SHB	970443	
9	HDBank	970437	
10	Vietcombank	970436	
11	DongAbank	970406	Internet Banking
12	MB	970422	
13	NAB	970428	
14	SEABANK	970440	
15	OCEANBANK	970414	
16	BIDV	970418	
17	BACA	970409	
18	VPBANK	970432	
19	NCB (NAVIBANK)	970419	
20	AGRIBANK	970405	
21	SAIGONBANK (SCB)	970429	
22	SACOMBANK	970403	
23	AnBinh Bank	970425	
24	PVCom Bank	970412	
25	VCCB (Bản Việt)	970454	
26	ACB	9704161	
27	GPBank	9704081	
28	OCB	9704481	
29	LienVietPostBank	9704491	
30	BAOVIET Bank	9704381	
31	Kienlongbank	9704521	
32	VRB	9704211	
33	Public Bank Vietnam	9704391	
34	SAIGONBANK	9704001	
35	PG Bank	9704301	
36	IVB	9704341	
37	Wooribank	9704571	
38	UOB Vietnam	9704581	
39	Shinhan Bank Vietnam	9704241	
40	Techcombank	9704071	Nhập thẻ
41	TINVIET(Vietcredit)	9704601	
42	VIETBANK	9704331	

5. Bank code (vpc_ItaBank - for installment payment response)

#	BANK NAME	Code
1	SCB	SACLVNVX
2	BIDV	BIDVVNVX
3	SACOMBANK	SGTTVNVX
4	VIB	VNIBVNVX
5	MBBank	MSCBVNVX
6	SHB	SHBAVNVX
7	VPBank	VPBKVNVX
8	TECHCOMBANK	VTCBVNVX
9	MSB	MCOBVNVX
10	SEABANK	SEAVNVX
11	SHINHANBANK	SHBKVNVX
12	Nam A Bank	NAMAVNVX
13	HSBC	HSBCVNVX
14	TPBank	TPBVNVX
15	Standard Chartered	SCBLVNVX
16	Vietcombank	BFTVVNVX
17	EXIMBANK	EBVIVNVX
18	OCB	ORCOVNVX
19	Kien Long Bank	KLBKVNVX
20	ACB	ASCBVNVX
21	VIETINBANK	ICBVNVX
22	PVCOMBANK	WBVNVNVX
23	HDBANK	HDBCVNVX
24	FE CREDIT	VPBKVNVXFE

6. Yêu cầu về hiển thị logo thẻ và xác nhận điều khoản thanh toán**6.1 Logo thẻ chấp nhận thanh toán**

- ĐVCNTT cần hiển thị tên phương thức thanh toán và logo các loại thẻ chấp nhận thanh toán.

6.2 Hiển thị điều khoản thanh toán

- ĐVCNTT cần hiển thị yêu cầu đọc và xác nhận điều khoản thanh toán trước khi chuyển sang cổng thanh toán OnePay.

Tham khảo hiển thị logo và điều khoản thanh toán tại link:

https://mtf.onepay.vn/client/logo_term_guide/Logo_term_guide_VN_EN.html